

Bản án số: **179** /2018/DS-ST.
Ngày: 27-9-2018.
V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Văn Chót;
 2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1577/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 và thông báo số 1835 ngày 16/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1970. Địa chỉ: số 36/2 ấp Thanh H, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1983. Địa chỉ: 261/3 ấp Thanh H, xã TP, huyện P, Tỉnh Bến Tre. Có mặt.
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
 - + Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1970. Địa chỉ: số 36/2 ấp Thanh H, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc M tham gia tố tụng.
 - + Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1981, Địa chỉ: số 86/1 ấp Giao Tân, xã Giao Thạnh, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Ngày 21/7/2017 đến ngày 23/10/ 2017, ông M có cho chị Ph vay tổng số tiền 168.440.000 đồng. Cụ thể: Lần thứ nhất vay số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 21/7/2017; lần thứ hai, ông cho chị Ph vay số tiền 98.440.000 đồng ngày 23/10/2017 (thực tế lúc này ông đưa cho chị Ph 100.000.000 đ nhưng do chị Ph trừ tiền nợ hui ông còn thiếu chị Ph nên biên nhận chỉ ghi số tiền 98.440.000 đồng); lãi suất hai bên thỏa thuận 5%/ tháng; thời hạn vay đến ngày 30/10/ 2017 trả vốn. Cả hai lần vay chị Ph đều có lập hợp đồng vay tiền với ông, khi vay chị Ph nói với ông

mục đích vay tiền để mua xe và trả tiền vay cho Ngân hàng. Sau khi vay, chị Ph có đóng lãi cho ông được vài tháng đối với khoản tiền vay ngày 21/7/ 2017, riêng số tiền vay ngày 23/10/ 2017 thì từ khi vay đến nay chị Ph không có trả lãi cho ông. Ông có nhiều lần yêu cầu chị Ph trả vốn và lãi cho ông nhưng đến nay chị Ph vẫn không trả cho ông.

Nay ông yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H (chồng chị Ph) có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi tính từ ngày 01/11/2017 đến ngày 01/5/2018 là 184.610.240 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn hai trăm bốn mươi đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 168.440.000 đồng, tiền nợ lãi là: $(168.440.000 \text{ đồng} \times 1,6\% / \text{tháng} \times 6 \text{ tháng})$ 16.170.240 đồng. Ông không yêu cầu lãi phát sinh.

Theo bản tự khai ngày 17/ 9/ 2018 và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Trước đây, chị có vay của ông Nguyễn Ngọc M số tiền là 20.000.000 đồng nhưng hai bên không có làm biên nhận. Đến ngày 21/7/ 2017 chị có vay thêm của ông M số tiền 70.000.000 đồng. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận cứ 1.000.000 đồng đóng 3.000 đồng /ngày. Khi vay chị có viết và ký tên vào hợp đồng vay theo mẫu mà ông M đưa cho chị. Sau đó, đến ngày 23/10/ 2017, chị có viết và ký tên vào biên nhận hợp đồng vay với ông M có nội dung: Chị có vay của ông M số tiền 98.440.000 đồng nhưng thực tế chị không có nhận tiền mặt từ ông M vào ngày 23/10/ 2017 mà biên nhận này ghi bao gồm 02 khoản tiền: 20.000.000 đồng mà trước đây chị thiếu ông M và 70.000.000 đồng chị vay của ông M vào ngày 21/7/ 2017, cộng thêm khoản tiền lãi chị thiếu ông M là 8.440.000 đồng nên tổng các khoản tiền là 98.440.000 đồng ông M yêu cầu chị ghi lại thành 01 biên nhận. Như vậy tổng số tiền chị nợ ông M là 98.440.000 đồng, không phải là 168.440.000 đồng như ông M yêu cầu.

Chị đồng ý trả cho ông M số tiền 98.440.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế chị đang gặp khó khăn nên chị yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Riêng số tiền lãi mà ông M yêu cầu tính ngày 01/11/2017 đến ngày 01/5/2018 với số tiền là: 16.170.240 đồng chị xin miễn phải trả. Số tiền vốn còn lại là 70.000.000 đồng đã gộp chung vào biên nhận ngày 23/10/ 2017 chị không đồng ý trả. Mục đích chị vay số tiền trên để làm vốn mua bán tạp hóa và bù cho việc nuôi tôm công nghiệp bị thua lỗ của chung gia đình và khi vay số tiền này anh Hữu cũng biết nên chị yêu cầu anh Hữu cùng có trách nhiệm cùng chị trả cho ông M số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai ngày 05/6/2018, anh Nguyễn Trọng H trình bày:

Tại bản tự khai ngày 05/6/ 2018, do anh không nhớ rõ nội dung việc vay tiền của chị Ph nên anh có khai là anh không biết toàn bộ số tiền vốn là 168.440.000 đồng mà chị Ph đã vay của ông M như nội dung yêu cầu khởi kiện của ông M nhưng sau đó, khi nghe chị Ph vợ anh nhắc lại thì anh nhớ lúc đó chị Ph có vay của ông M số tiền 98.440.000 đồng để bù vào việc nuôi tôm bị thua lỗ và làm vốn mua bán nhỏ trong gia đình. Do đó, anh chỉ đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng chị Ph trả cho ông M số tiền 98.440.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Riêng số tiền lãi mà ông M yêu cầu tính ngày

01/11/2017 đến ngày 01/5/2018 với số tiền 16.170.240đ anh xin miễn phải trả.

Đại diện VKSND huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đúng quy định pháp luật; chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải là chưa thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M. Buộc chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị V số tiền nợ là 184.610.240 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là 168.440.000đ, tiền nợ lãi là 16.170.240 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ph có nơi cư trú tại số 261/3 ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H có nơi cư trú tại số 86/1 ấp Tân Giao, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Hữu theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng trên hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông M cho rằng chị Ph có 02 lần vay tiền của ông tổng số tiền là 168.440.000đ, lần thứ nhất vay ngày 21/7/ 2017 số tiền 70.000.000 đồng và lần thứ hai vay ngày 23/10/2017 số tiền vay là 98.440.000 đồng và chứng cứ để chứng minh cho 02 khoản vay trên là “Hợp đồng vay” ngày 21/7/ 2017 và “ Biên nhận hợp đồng vay” ngày 23/10/ 2017. Chị Ph thừa nhận “ Hợp đồng vay” ngày 21/7/ 2017 và “ Biên nhận hợp đồng vay” ngày 23/10/ 2017 là do chị viết và ký tên nhưng chị Ph cho rằng biên nhận hợp đồng vay ngày

23/10/ 2017 là một phần của hợp đồng vay ngày 21/7/2017 và hai khoản vay khác nên thực tế chị chỉ có nợ của ông M 98.440.000 đồng Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên chị Ph không chứng minh được “Biên nhận hợp đồng vay” ngày 23/10/ 2017 là biên nhận tổng của các khoản vay bao gồm: Tiền vay trước; tiền lãi và số tiền vay trong hợp đồng vay ngày 21/7/2017. Do đó, có căn cứ chứng minh, thực tế trong thời gian từ ngày 21/7/ 2017 đến 23/10/ 2017 chị Ph có vay của ông Nguyễn Ngọc M số tiền gốc là 168.440.000 đồng.

[5] Đối với khoản nợ lãi ông M yêu cầu chị Ph và anh H phải trả là 16.170.240 đồng với lãi suất là 1,6% / tháng tính từ ngày 01/11/2017 đến ngày 01/5/2018 Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa ông M và chị Ph đều thừa nhận đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất nên việc ông M yêu cầu chị Ph phải trả lãi cho khoảng thời gian mà chị Ph chưa hoàn trả vốn với mức lãi suất trên là có căn cứ và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên xét thấy: Ông M yêu cầu chị Ph và anh H trả cho ông M và bà Vân số tiền nợ gốc là 168.440.000 đồng và số tiền lãi 16.170.240 đồng là phù hợp với Điều 466,468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét việc ông M yêu cầu anh Nguyễn Trọng H có trách nhiệm liên đới cùng chị Ph trả cho ông M bà Vân số tiền trên Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Ph và anh H hiện đang còn tồn tại và anh H cũng đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng chị Ph trả tiền nợ đã vay cho ông M. Tuy số tiền anh H đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông M ít hơn số tiền vốn ông M yêu cầu là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên chị Ph không chứng minh được chị Ph chỉ có vay của ông M số tiền là 98.440.000 đồng, không phải số tiền 168.440.000 đồng và số tiền lãi là 168.440.000 đồng. Do đó, ông M yêu cầu Tòa án buộc anh H có nghĩa vụ liên đới cùng chị Ph trả cho ông M, bà Vân toàn bộ số tiền là 184.610.240 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H có nghĩa vụ liên đới nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M. Buộc chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị V số tiền là 184.610.240 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn hai trăm bốn mươi đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 168.440.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền nợ lãi là 16.170.240 đồng (Mười sáu triệu một trăm bảy mươi ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Trọng H phải liên đới nộp 9.230.512 đồng (Chín triệu hai trăm ba chục ngàn năm trăm mười hai đồng).

Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc M số tiền 4.616.500 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016243 ngày 03/5/2018.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Đào Hồng Vân

